

Số: 270/BC-THCSYT

Yên Thọ, ngày 25 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tính đến thời điểm tháng 6/2025

ĐIỀU 4: Thông tin chung về cơ sở giáo dục

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ CỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Yên Thọ

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác:

- Tên trường: Trường THCS Yên Thọ

- Địa chỉ: Khu Yên Trung, phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

- Web: thcsyenthodongtrieu.edu.vn

- Loại hình trường: Công lập

3. Loại hình của trường: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Đông Triều.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: “Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ổn định, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường THPT, trường trung cấp nghề.

Tầm nhìn: Là ngôi trường thân thiện, nơi giáo dục học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống và khả năng hội nhập quốc tế.

Mục tiêu: Yêu thương, hợp tác, chia sẻ - Kỷ luật, trung thực, trách nhiệm - Tôn trọng, tự tin.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Yên Thọ - tiền thân là trường phổ thông nông nghiệp xã Yên Thọ - được thành lập năm 1960 trong bối cảnh quê hương Yên Thọ cùng với toàn quân, toàn dân cả nước đang tiến lên xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Đến năm 1978, Trường cấp II Yên Thọ sát nhập với trường cấp I Yên Thọ thành Trường PTCS Yên Thọ. Từ năm 1995, theo quyết định của UBND Tỉnh Quảng Ninh, trường được tách thành 2 trường: Tiểu học Yên Thọ và THCS Yên Thọ.

Từ khi được tách trường đến nay, trường THCS Yên Thọ không ngừng phát triển ngày một đi lên về mọi mặt. Chi bộ Đảng của nhà trường trực thuộc Đảng bộ phường Yên Thọ. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhà trường 100% đạt chuẩn và trên chuẩn đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đồng bộ về các bộ môn, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, tập thể nhà trường là một khối đoàn kết luôn giúp nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc.

Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng một nâng cao: Tỷ lệ lên lớp hàng năm đạt trên 99%, tốt nghiệp THCS đạt 100%, có nhiều học sinh đạt học sinh giỏi cấp Thị xã, cấp Tỉnh. Chất lượng thi vào các trường THPT công lập hàng năm đạt tỷ lệ 65 - 80%, nhiều thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua các cấp, được Sở GD&ĐT và UBND thị xã tặng giấy khen, UBND tỉnh tặng bằng khen. Nhà trường liên tục nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Chi bộ Đảng nhà trường liên tục nhiều năm đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh”. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc” và có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Cơ sở vật chất nhà trường đầy đủ đáp ứng được yêu cầu dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Cảnh quan khuôn viên nhà trường khang trang “Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn”. Có thể nói thầy và trò trường THCS Yên Thọ luôn là niềm tin yêu, niềm tự hào của cán bộ, nhân dân và CMHS phường Yên Thọ.

Năm 2016, nhà trường vinh dự đón Bằng công nhận trường THCS chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016 – 2021.

Năm 2024 trường vinh dự đón Bằng công nhận trường THCS chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2024-2029. Và công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Từ năm 2024 Trường THCS Yên Thọ liên tục vinh dự được Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều tặng giấy khen và công nhận danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: **Phạm Văn Thịnh**; Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Yên Thọ;

Số điện thoại: 02033871814

Địa chỉ thư điện tử: thcs.yt.ptthinh@dongtrieu.edu.vn

ĐIỀU 8: Điều kiện bảo đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

[illegible]

8	Nhân viên giáo vụ	0													
9	Nhân viên bảo vệ	2													HDLĐ
10	Lao công	1													HDLĐ

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt.

- Kết quả tự đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV THCS: Tổng số GV: 21, trong đó Tốt: $18/21 = 85,71\%$; Khá: $3/21 = 14,29\%$; Đạt: Không; Chưa đạt: Không

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $25/25 = 100\%$ (trong đó 02 CBQL, 21 GV, NV 02)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất: Tổng diện tích đất sử dụng của trường là 7.852,34 m² (Trong đó: đã được cấp sổ đỏ: 5731,6 m², chưa được cấp sổ đỏ: 2.096,5 m²)

Diện tích xây dựng các công trình của trường 1922 m² chiếm 24,48% và diện tích sân vườn là 5930,34 m² chiếm tỷ lệ 75,52 % đảm bảo đúng quy định.

2. Các khối công trình:

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	14	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	800/560
1	Phòng học kiên cố	14	800/560
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	09	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,07	-
8	Bình quân học sinh/lớp	39	-
III	Số điểm trường		-

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7.852,34 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5930,34 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	1144	
1	Diện tích phòng học (m ²)	800	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	666	
3	Diện tích thư viện (m ²)	101	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	50	
VI I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	0	0
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp ...	0	0
2.2	Khối lớp ...	0	0
2.3	Khối lớp 8	1	0
2.4	Khối lớp ...	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VI II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	00	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	01	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	01	27	2	70	2	70
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

3. Thiết bị dạy học: (Có phụ lục kèm theo)

4. Danh mục Sách giáo khoa: (Có phụ lục kèm theo)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

*** Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x

Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	Chưa đạt
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		x	
Khoản 2		x	
Khoản 3		x	
Khoản 4		x	
Khoản 5		x	
Khoản 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Đạt chất lượng giáo dục: mức độ 02.

1. 2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Phần đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến giai đoạn 2024-2029

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh; Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia mức độ 2

Các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới; Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện có hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo chất lượng.

Điều 9: Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông:

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số HS tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 155 đạt tỷ lệ 100%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

* Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

2.1-Chất lượng giáo dục

Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	S L	%	SL	%	SL	%
	560	107	19,1	224	40	227	40,5	1	0,18	455	81,3	83	14,8	22	3,93	0	0	5	0,89	102	18,21
K6	154	28	18,2	74	48,1	50	32,5	1	0,65	129	83,8	23	14,9	2	1,3	0	0	0	0	28	18,18
K 7	158	34	21,5	53	33,5	71	44,9	0	0	120	76	32	20,3	6	3,8	0	0	4	2,53	30	18,99
K8	118	25	21,2	49	41,5	44	37,3	0	0	95	80,5	18	15,3	5	4,24	0	0	1	0,85	24	20,34
K9	130	20	15,4	48	36,9	62	47,7	0	0	111	85,4	10	7,69	9	6,92	0	0	0	0	20	15,38

* Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Khối	Tổng số học sinh	Số lượng học sinh được lên lớp	Số lượng học sinh không được lên lớp
Khối 6	154	153	01
Khối 7	158	158	0
Khối 8	118	118	0
Khối 9	130	TN 100%	0
Toàn trường	560	559	01

3. Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Kết quả tốt nghiệp THCS: 130/130 đạt 100%. Kết quả thi vào 10 THPT: TSHS lớp 9 là 180; TSHS dự thi 100/130 = 76,92%; Số HS đỗ vào lớp 10: 70/100 = 70%; Số HS thi đỗ vào lớp 10/tổng số HS đỗ tốt nghiệp: 70/130 = 53,85%. Tổng số trung bình 3 môn Văn, Toán, Anh là 5,72, trong đó môn Toán 5,55 (KH đặt ra là 5,4); môn Ngữ văn 6,1 (KH đề ra là 5,8); môn Tiếng Anh 5,52 (KH đề ra là 5,5). Các bộ môn đều đã đạt và vượt chỉ tiêu so với KH đề ra đầu năm học.

Số học sinh lớp 9 đi học tại các trường THPT tư thục là 22; học tại các Trung tâm GDNN&GDTX là; 1 học sinh, học tại các trường nghề (Cao đẳng, trung cấp) là 37 học sinh.

d) Kết quả học sinh đạt giải HSG các cấp.

*** Chất lượng mũi nhọn năm học 2024-2025:**

- Kết quả thi học sinh giỏi các cấp: cấp thành phố đạt 35 giải, cấp tỉnh đạt 04 giải cụ thể:

+ Các môn văn hóa: -Cuộc thi HGS Cấp tỉnh: Đạt 03 giải trong đó: 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích môn GDCD; 01 giải khuyến khích môn KHTN (Sinh học). - Cuộc thi HSG cấp thành phố: Đạt 10 giải (05 ba, 05 KK); trong đó: 03 giải Ba, 02 giải khuyến khích môn GDCD, 01 giải ba môn Tin học, 01 giải ba môn KHTN (Sinh học), 01 giải khuyến khích môn Tiếng Anh; 02 giải khuyến khích môn Lịch sử Địa lý.

+ Cuộc thi giao lưu HSG lớp 8 cấp thành phố: Đạt 15 giải (01 nhất, 03 Nhì, 05 ba, 06 KK) trong đó Môn Toán: 01 giải nhất, 01 giải nhì; Môn GDCD: 01 giải nhì, 02 giải ba; Môn Lịch sử và Địa lí: 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải KK; Môn Tiếng Anh: 01 giải ba; môn KHTN: 01 giải ba, 03 giải KK, Môn Ngữ văn: 02 giải KK.

- Các cuộc thi, hội thi:

+ Cuộc thi khoa học kỹ thuật: Không tổ chức cấp thành phố lựa chọn sản phẩm tham gia cấp tỉnh: có 01 sản phẩm dự thi cấp tỉnh.

+ Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, Nhi đồng: đạt 02 giải (01 giải nhì, 01 giải ba)

+ Ngày hội các câu lạc bộ tiếng Anh cấp thị xã: Đạt 01 giải khuyến khích toàn đoàn.

+ Cuộc thi Tuyên truyền viên giỏi về di tích quốc gia đặc biệt nhà Trần tại Đông Triều cấp thành phố: Đạt 02 giải khuyến khích

+ Hội thi tin học trẻ cấp thành phố: 01 giải ba

- Văn nghệ - Thể dục thể thao:

+ Cuộc thi Thể dục thể thao: 01 giải ba cầu lông; 01 Huy chương vàng nhảy xa nam; giải khuyến khích toàn đoàn điền kinh cấp thành phố.

+ Cuộc thi giao văn Nghệ: Đạt giải B chung kết Hội thi Tiếng hát học sinh chào mừng thành lập thành phố Đông Triều

4. Các hoạt động giáo dục toàn diện khác:

+ *Đối với lớp 6,7,8,9:* Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương.

* **Giáo dục thể chất và y tế trường học:** Thực hiện nghiêm túc công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học. Nhà trường phối hợp tốt với trạm y tế xã tổ chức các hoạt động phòng chống dịch bệnh trong trường học, tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh, phân loại, tư vấn cho phụ huynh học sinh vào đầu năm học; Tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao, hàng ngày tập thể dục giữa giờ rèn luyện sức khỏe học sinh. Tổ chức, thực hiện chương trình GDTC đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Đổi mới phương pháp GDTC theo hướng phát triển năng lực học sinh, tạo sự hứng thú, yêu thích cho học sinh khi tham gia giờ học Thể dục.

-Tuyên truyền tới 100% phụ huynh, học sinh về chủ trương thực hiện đề án dạy bơi, kỹ năng phòng chống đuối nước; Tuyên truyền vận động phụ huynh cho con học bơi tại các bể bơi...Số HS biết bơi 210/560 chiếm tỷ lệ 35,96%.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc QĐ 53/QĐ-BGD&ĐT trong năm học, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất, kiểm tra, đánh giá thể lực học sinh theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể xếp loại đạt và tốt 560/560 =100%. (học sinh); thực hiện tốt các hoạt động tập thể ngoại khóa được gắn với các ngày lễ; ngày kỷ niệm trong tháng. Triển khai có hiệu quả bài thể dục buổi sáng; võ cổ truyền; TD nhịp điệu,....

- **HSG thể chất:** 01 giải ba cầu lông; 01 Huy chương vàng nhảy xa nam; giải khuyến khích toàn đoàn điền kinh cấp thành phố.

* **Hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống:**

- *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:* Thực hiện tốt tuyên truyền về ATGT; phòng chống bạo lực học đường, các tệ nạn xã hội và phòng chống tai nạn thương tích dưới hình thức sân khấu hóa trong tiết chào cờ đầu tuần. Phối hợp với Công an phường Yên Thọ tổ chức tuyên truyền về phòng chống ma túy, bạo lực học đường, an toàn cho học sinh trong nhà trường; phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã tổ chức tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành viên; phòng chống dịch bệnh học đường và các dịch bệnh theo mùa...

+ Các HĐTNST: Tổ chức trung thu: Thi bày mâm ngũ quả; Tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện nhân dịp Tết Nguyên đán.

+ Thi trang trí bảng truyền thông theo các chủ điểm tháng, gắn liền với các chuyên hiệu rèn luyện đội viên.

+ Tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo kế hoạch, chủ điểm "*Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng*"

Tham gia bài dự thi An toàn giao thông nụ cười ngày mai hơn 560 bài, chọn 10 bài thi chất lượng nộp PGD.

Điều 5: Thu chi tài chính:

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Năm 2024

a) 1/ Ngân sách cấp: 5.332.929.968 đồng

Trong đó: - Nguồn tự chủ: 4.719.745.868 đồng

- Nguồn không tự chủ: 613.184.000 đồng

2/ Học phí: 1.255.740.000 đồng

b) Chi ngân sách: 5.332.919.968 đồng

- Nguồn tự chủ: 4.719.745.868 đồng

+ Chi tiền lương và thu nhập: 3.980.918.130 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 397.204.338 đồng

+ chi hỗ trợ hoạt động phong trào, thi đua,...); 334.034.000 đồng

+ Chi khác: 107.589.000 đồng

- Nguồn không tự chủ: 613.184.000 đồng

+ Chi tiền lương và thu nhập: 243.395.000 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 225.379.030 đồng

+ Chi hỗ trợ cho người học học bổng, hoạt động phong trào, thi đua,...);

144.409.970 đồng

+ Chi khác:đồng

- Học phí: 1.212.361.033 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 677.245.934 đồng

+ chi hỗ trợ hoạt động phong trào, thi đua,...); 130.825.631 đồng

+ Chi khác: 404.289.468 đồng

*** Năm học 2024-2025**

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

*** Năm học 2025-2026**

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

*** Năm học 2026-2027**

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

*** Năm học 2027-2028**

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

3 Chế độ chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

a. Chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Học sinh thuộc đối tượng chính sách (con hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, mồ côi,...) được miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập

150.000đ/tháng/hs x 9 tháng = 1.350.000đ/năm học (Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NQ 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021)

- Học sinh khuyết tật thuộc hộ cận nghèo được miễn học phí và được hỗ trợ tiền học bổng 1 tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo (Thông tư 42/TT-TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2023)

b) Kết quả thực hiện chính sách năm học 2024-2025

- Kinh phí chi chế độ miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và học bổng: 73.678.000 đồng

4. Số dư các quỹ năm học 2024-2025

- Nước uống: Thu: 47.480.000 đồng; Chi : 47.480.000đ; Dư: 0 đồng

- Xe đạp: Thu 82.190.000đồng; Chi: 82.190.000 đồng; Dư: 0 đồng

Năm 2025

a) 1/ **Ngân sách cấp:** 8.989.000.000 đồng

Trong đó: - Nguồn tự chủ: 8.989.000.000 đồng

- Nguồn không tự chủ (12): 926.384.696 đồng

- Nguồn không tự chủ (18): 434.000.000 đồng

2/ Học phí: 123.750.000 đồng

b) **Chi ngân sách:** 5.143.565.152 đồng (Chi đến ngày 30/6/2025)

- Nguồn tự chủ: 4.711.139.530 đồng

+ Chi tiền lương và thu nhập: 3.885.504.822 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 442.298.940 đồng

+ chi hỗ trợ hoạt động phong trào, thi đua,...); 45.700.000 đồng

+ Chi khác: 27.979.900 đồng

- Nguồn không tự chủ (12): 432.425.622 đồng

+ Chi tiền lương và thu nhập: 152.575.622 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 66.629.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cho người học học bổng, hoạt động phong trào, thi đua,...);

309.655.868 đồng.

+ Chi khác: 123.750.000 đồng

- Học phí: 123.750.000 đồng

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 450.327.300 đồng

+ chi hỗ trợ hoạt động phong trào, thi đua,...); 14.850.000 đồng

+ Chi khác: 35.002.700 đồng

2. Dự kiến các khoản thu đối với người học cho năm học 2025-2026 và cả cấp học

* Năm học 2025-2026

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

* Năm học 2026-2027

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng

- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

* Năm học 2027-2028

- Học phí: Miễn

- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng
- Xe đạp: 25.000/hs/tháng
- Vệ sinh: 20.000đ/hs/tháng

* Năm học 2028-2029

- Học phí: Miễn
- Nước uống: 9.000đ/hs/tháng
- Xe đạp: 25.000/hs/tháng

3. Chế độ chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

a. Chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Học sinh thuộc đối tượng chính sách (con hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, mồ côi,...) được miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ/tháng/hs x 9 tháng = 1.350.000đ/năm học (Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NQ 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021)

- Học sinh khuyết tật thuộc hộ cận nghèo được miễn học phí và được hỗ trợ tiền học bổng 1 tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo (Thông tư 42/TT-TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2023)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

*** Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi**

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các cấp:

+ Các môn văn hóa: -Cuộc thi HGS Cấp tỉnh: Đạt 03 giải trong đó: 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích môn GD&CD; 01 giải khuyến khích môn KHTN (Sinh học). - Cuộc thi HSG cấp thành phố: Đạt 10 giải (05 ba, 05 KK); trong đó: 03 giải Ba, 02 giải khuyến khích môn GD&CD, 01 giải ba môn Tin học, 01 giải ba môn KHTN (Sinh học), 01 giải khuyến khích môn Tiếng Anh; 02 giải khuyến khích môn Lịch sử Địa lý.

+ Cuộc thi giao lưu HSG lớp 8 cấp thành phố: Đạt 15 giải (01 nhất, 03 Nhì, 05 ba, 06 KK) trong đó Môn Toán: 01 giải nhất, 01 giải nhì; Môn GD&CD: 01 giải nhì, 02 giải ba; Môn Lịch sử và Địa lý: 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải KK; Môn Tiếng Anh: 01 giải ba; môn KHTN: 01 giải ba, 03 giải KK, Môn Ngữ văn: 02 giải KK.

- **STTTNNĐ**: 01 giải nhì, 01 giải ba

*** Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn cho 04 khối lớp, chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định.

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo Đông Triều nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp thị xã môn Trải nghiệm hướng nghiệp được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng phần mềm trong dạy học hiệu quả còn hạn chế.

2.2. Công tác giáo dục STEM

** Công tác chỉ đạo:* Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho

giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

- * *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp dạy học 35 tiết dạy học STEM. Các môn học đã ứng dụng STEM vào dạy học đảm bảo hiệu quả.

- * *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2.3. Về việc triển khai cuộc thi KHKT.

- * *Công tác chỉ đạo.*

- Thực hiện Công văn của Sở giáo dục ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi KHKT, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kĩ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;

- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kĩ thuật của mình;

- *Kết quả đã đạt:* Có 01 sản phẩm tham gia dự thi song chưa có giải.

2.4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

- * *Công tác chỉ đạo.*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Cổng trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai... có 01 HS đạt giải cấp tỉnh.

- * *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong việc thường xuyên nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện tự do.

2.5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

* *Công tác chỉ đạo.*

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

* *Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L9 có thể tham gia lao động sản xuất.

* *Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng. Nội dung dạy còn chưa đa dạng.

2.6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* *Công tác chỉ đạo:* Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

* *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 tính đến thời điểm tháng 6/2025 của trường THCS Yên Thọ, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong các năm học tiếp theo./.

Nơi nhận

- Bảng tin thông báo NT;
- Đăng trên trang web đơn vị;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Thịnh